Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau
Email: ubndt@camau.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Cà Mau
Ngày ký: 01.12.2020 10:47:17 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 158 /TTr-UBND	*Cà Mau, ngày 30 tháng 11 năm 2020*

HỎA TỐC

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

Thực hiện Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019), Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau trình Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau thông qua dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

Việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 làm căn cứ chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM

1. Mục đích

Đề ra mục tiêu, các chỉ tiêu, nhiệm vụ giải pháp cụ thể về phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 để các cấp, các ngành, đơn vị chức năng trong tỉnh triển khai thực hiện.

2. Quan điểm

Bám sát các chủ trương, chính sách, Nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước để chỉ đạo thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau năm 2021.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết, sau đó gửi lấy ý kiến đóng góp của các địa phương, đơn vị liên quan và tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện nội dung. Ngày 09/11/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức cuộc họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh để thảo luận, biểu quyết nội dung dự thảo Nghị quyết theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 có 04 Điều.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

Bước vào năm 2020, mặc dù chịu tác động ảnh hưởng kép của tình trạng hạn hán, dịch Covid-19 nhưng với sự đồng thuận, nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh, cùng với sự triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của trung ương; tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh có những chuyển biến tích cực, đạt được kết quả khá toàn diện trên các lĩnh vực.

Nền kinh tế của tỉnh phát triển ổn định gắn với tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng được triển khai tích cực và đã đạt được những kết quả ban đầu. Hợp tác, liên kết vùng được tăng cường.

Các lĩnh vực xã hội có nhiều tiến bộ; an sinh xã hội được bảo đảm; đời sống nhân dân từng bước cải thiện. Cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh được quan tâm chỉ đạo quyết liệt và đã đạt những kết quả khá tốt; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) được cải thiện và tăng thứ hạng.

Công tác quản lý tài nguyên; bảo vệ môi trường; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường. Hoạt động đối ngoại chuyển biến. Hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của chính quyền các cấp được nâng lên.

Công tác thanh tra, kiểm tra được đẩy mạnh, góp phần phát hiện và ngăn chặn kịp thời các vụ việc tiêu cực, tham nhũng. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo và giữ vững.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: Ảnh hưởng của dịch Covid-19, hạn hán, sụp lún, mưa bão, triều cường đã tác động đến đời sống, hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh, nền kinh tế tiếp tục phát triển nhưng chưa vững chắc, tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng còn chậm so với yêu cầu, hệ thống kết cấu hạ tầng được tập trung đầu tư nhưng chưa đồng bộ, các lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng còn hạn chế. Ô nhiễm môi trường chưa được kiểm soát hiệu quả. Đời sống của một bộ phận người dân vẫn còn khó khăn.

2.2. Mục tiêu tổng quát

Khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư; không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; khuyến khích khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; chú trọng phát triển kinh tế biển; chủ động và thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Thực hiện tốt công tác đối ngoại. Đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2.3. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng khoảng 6,5 - 7%.

* Cơ cấu kinh tế:

+ Ngư, nông, lâm nghiệp chiếm 33,1%;

+ Công nghiệp, xây dựng chiếm 31,7%;

+ Dịch vụ chiếm 31,2%;

+ Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4%.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 19.000 tỷ đồng.

- Kim ngạch xuất khẩu đạt 1,1 tỷ USD.

- Thu ngân sách đạt 5.478,700 tỷ đồng.

- Chi ngân sách đạt 10.610,073 tỷ đồng.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 24,2%.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm tối thiểu 0,3%.

- Tỷ lệ lao động khu vực ngư, nông, lâm nghiệp giảm còn 48%.

- Tỷ lệ lao động xã hội qua đào tạo đạt 52%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25,3%.

- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội khoảng 5 - 6%.

- Giải quyết việc làm 39.300 lao động.

- Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 30 giường.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,5%.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (số người tham gia so với số người thuộc diện tham gia) đạt 95,5%.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (số người tham gia so với số người thuộc diện tham gia) đạt 1,6%.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm thất nghiệp (số người tham gia so với số người thuộc diện tham gia) đạt 95,5%.

- Tỷ lệ số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới đạt 56%, trong đó có 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 94%.

- Tỷ lệ rác thải đô thị và khu, cụm công nghiệp được thu gom xử lý đạt 86%.

- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 80%.

- Tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán đạt 26,2%.

2.4. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

a) Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh:

- Khẩn trương xây dựng và triển khai các Đề án, Chương trình, Dự án thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Đẩy nhanh công tác lập, trình thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp gắn với phát triển, tổ chức sản xuất các ngành hàng chủ lực của tỉnh theo hướng hiệu quả, bền vững, quy mô lớn, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Phát triển công nghiệp tập trung vào những ngành tỉnh có thế mạnh; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ; đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp và Khu kinh tế Năm Căn. Đôn đốc các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án phát triển năng lượng tái tạo.

- Tập trung phát triển các ngành dịch vụ, trọng tâm là phát triển du lịch; thúc đẩy phát triển thương mại điện tử.

- Thực hiện cơ cấu thu, chi ngân sách nhà nước phù hợp, hiệu quả; bảo đảm tăng trưởng tín dụng hợp lý gắn với nâng cao chất lượng tín dụng.

- Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, tập trung triển khai các dự án giao thông quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, lan tỏa, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về xây dựng; tập trung phát triển đô thị, trọng tâm là các đô thị động lực.

- Tiếp tục tăng cường liên kết vùng; hợp tác, liên kết phát triển kinh tế - xã hội với các địa phương và các đơn vị theo các nội dung đã ký kết.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Tiếp tục thực hiện tốt những vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội, quản lý và sử dụng tài nguyên và môi trường; phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đổi mới và sáng tạo; tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống. Nâng cao hàm lượng khoa học và công nghệ trong các đề tài, dự án một cách đồng bộ và hiệu quả trên các lĩnh vực.

- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú và đa dạng; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở các cấp.

- Thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, huy động các nguồn lực chăm lo đời sống người có công và các đối tượng chính sách; công tác bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống tệ nạn xã hội; triển khai thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

- Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; nâng cao chất lượng khám và điều trị bệnh, bảo đảm quyền lợi cho đối tượng tham gia bảo hiểm y tế; đẩy mạnh các hoạt động y tế dự phòng, kiểm soát chặt chẽ diễn biến bệnh dịch.

- Chú trọng tạo việc làm, đào tạo nghề, đa dạng hóa các loại hình, ngành nghề đào tạo, nâng cao chất lượng lao động đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

- Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo; triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

- Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, xúc tiến thương mại; thu hút đầu tư nước ngoài; củng cố thị trường xuất khẩu hiện có đồng thời mở rộng xuất khẩu sang thị trường mới, đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng tinh chế, có giá trị gia tăng cao.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền để tạo sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị, của người dân trong thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Thực hiện tốt công tác quản lý đất đai; sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài nguyên theo hướng bền vững; bảo vệ môi trường. Các cơ sở sản xuất kinh doanh quy mô lớn có hệ thống xử lý nước thải theo quy định. Chủ động ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước:

- Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc gắn với giữ vững chủ quyền an ninh biển, đảo.

- Thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội; tăng cường công tác phòng, chống cháy nổ, giảm thiểu tai nạn giao thông.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

- Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Trên đây là nội dung Tờ trình về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định *(Tờ trình này thay cho Tờ trình số 131/TTr-UBND ngày 17/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)./.*

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh (VIC);
- LĐVP UBND tỉnh (VIC);
- Các Sở: KH&ĐT, Tư pháp (VIC);
- Các phòng NC-TH;
- Lưu: VT (Ch), Lai(TTr10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Văn Bi

CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH CÀ MAU NĂM 2021

(Kèm theo Tờ trình số: 158 /TTr-UBND ngày 30 /11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh (%)		
							ƯTH 2020/ TH 2019	ƯTH 2020/ KH 2020	KH 2021/ ƯTH 2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8 = 6/4*	*9 = 6/5*	*10 = 7/6*
I	**Các chỉ tiêu về kinh tế**								
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giá so sánh	Tỷ đồng	41,054	46,350	41,503	44,448	101.09	89.5	107.0
	Trong đó: + Ngư, nông, lâm nghiệp	"	*12,712*	*13,080*	*13,221*	*13,816*	104.0	101.1	104.5
	+ Công nghiệp, xây dựng	"	*15,236*	*12,101*	*14,881*	*16,176*	97.7	123.0	108.7
	+ Dịch vụ	"	*11,505*	*19,331*	*11,728*	*12,678*	101.9	60.7	108.1
	+ Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm	"	*1,601*	*1,838*	*1,673*	*1,778*	104.5	91.0	106.3
	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giá thực tế	Tỷ đồng	61,666	60,718	63,138	68,338	102.4	104.0	108.2
	Trong đó: + Ngư, nông, lâm nghiệp	"	*20,586*	*17,510*	*21,615*	*22,609*	105.0	123.4	104.6
	+ Công nghiệp, xây dựng	"	*19,750*	*15,564*	*19,493*	*21,657*	98.7	125.2	111.1
	+ Dịch vụ	"	*18,938*	*25,311*	*19,506*	*21,359*	103.0	77.1	109.5
	+ Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm	"	*2,392*	*2,333*	*2,524*	*2,713*	105.5	108.2	107.5
	Cơ cấu kinh tế (giá thực tế)	%	100	100	100	100			
	Trong đó: + Ngư, nông, lâm nghiệp	"	*33.4*	*28.8*	*34.2*	*33.1*			
	+ Công nghiệp, xây dựng	"	*32.0*	*25.6*	*30.9*	*31.7*			
	+ Dịch vụ	"	*30.7*	*41.7*	*30.9*	*31.2*			

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh (%)		
							ƯTH 2020/ TH 2019	ƯTH 2020/ KH 2020	KH 2021/ ƯTH 2020
	Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm	*"*	*3.9*	*3.8*	*4.0*	*4.0*			
	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	Triệu đồng	*51.6*	50.8	52.9	57	102.4	104.1	107.9
	(Quy đổi ra USD)	*USD*	*2,222*	*2,182*	*2,277*	*2,430*	102.4	104.3	106.7
2	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	15,139	14,800	16,851	19,000	111.3	113.9	112.8
3	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	1,168	1,200	1,000	1,100	85.6	83.3	110.0
4	Thu ngân sách (1)	Tỷ đồng	5,740	5,695	5,688	5,478.7	99.09	99.9	96.3
5	Chi ngân sách (2)	Tỷ đồng	10,176	11,419.3	11,944.7	10,610.1	117.4	104.6	88.8
6	Tỷ lệ đô thị hóa	%	22.7	22.7	22.9	24.2			
II	**Các chỉ tiêu về xã hội**								
7	Tỷ lệ hộ nghèo	%	2.32	1.82	1.57	Giảm tối thiểu 0,3%			
	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	*%*	*1.7*	*0.5*	*0.75*				
8	Tỷ lệ lao động ngư nông lâm nghiệp trong cơ cấu lao động	%	52	50	50	48			
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	47	50	50	52			
10	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%				5 - 6%			
11	Giải quyết việc làm	Người	39,565	39,000	39,000	39,300	98.6	100	100.8
12	Số giường bệnh/vạn dân *(không tính giường trạm y tế xã)*	Giường	28.20	29.27	29.27	30	103.8	100	102.5
13	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	90.0	92	92.1	92.5			

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh (%)		
							ƯTH 2020/ TH 2019	ƯTH 2020/ KH 2020	KH 2021/ ƯTH 2020
14	Tỷ lệ dân số tham gia BHXH bắt buộc	%	93.7	95	95	95.5			
15	Tỷ lệ dân số tham gia BHXH tự nguyện	%	1.50	1.34	1.55	1.60			
16	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm thất nghiệp	%	92.40	95	95	95.5			
17	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	41.5	50	50	56			
III	**Các chỉ tiêu về môi trường**								
18	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	92	92	93	94			
19	Tỷ lệ rác thải đô thị và khu, cụm công nghiệp được thu gom xử lý	%	84	85	85	86			
20	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	67	76	76	80			
21	Tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán	%	25.6	26	26	26.2			

Ghi chú:

(1) Kế hoạch thu ngân sách năm 2020 là 5.695 tỷ đồng đã bao gồm 483 tỷ đồng dự toán ghi thu, ghi chi tiền bồi thường GPMB do nhà đầu tư tự ứng trước được khấu trừ vào tiền thuê đất. Nếu loại trừ dự toán ghi thu, ghi chi nêu trên thì ước thực hiện thu ngân sách năm 2020 là 5.688 tỷ đồng, đạt 109,13% dự toán (5.212 tỷ đồng).

(2) Kế hoạch chi ngân sách năm 2020 là 11.419,3 tỷ đồng đã bao gồm 483 tỷ đồng dự toán chi từ ghi thu, ghi chi tiền bồi thường GPMB do nhà đầu tư tự ứng trước được khấu trừ vào tiền thuê đất. Nếu loại trừ dự toán ghi thu, ghi chi nêu trên thì ước thực hiện chi ngân sách năm 2020 là 11.944,7 tỷ đồng, đạt 109,22% dự toán (10.936,3 tỷ đồng).